

Thứ năm, ngày 3 tháng 9 năm 2020

Vietnam Daily Review

VN-Index bứt phá 900 điểm, Quỹ Đài Loan dự kiến mua 270 tỷ đồng chứng chỉ quỹ ETF Diamond

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 4/9/2020		•	
Tuần 31/8-4/9/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNINDEX bứt phá mạnh mẽ ngay từ đầu phiên và vượt qua vùng kháng cự 900 điểm vào cuối phiên nhờ tâm lý giao dịch tích cực phát sinh từ thông tin CBTC Vietnam Equity Fund đăng ký mua 21 triệu chứng chỉ (270 tỷ đồng) quỹ VFMVN Diamond ETF. Dòng tiền đầu tư tiếp tục tăng mạnh khi có 15/19 nhóm ngành tăng điểm, trong đó hai nhóm ngành Hàng & Dịch vụ công nghiệp, và Ngân hàng dẫn đầu thị trường với mức tăng mạnh nhất. Sau chuỗi phiên giao dịch bán ròng, khối ngoại đã có tín hiệu tích cực khi mua ròng trên sàn HSX. Thanh khoản thị trường vẫn duy trì ổn định, đồng thời, độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực cho thấy tâm lý nhà đầu tư tương đối lạc quan về thị trường. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể tích lũy trong một vài phiên tới, trước khi hướng tới vùng kháng cự tiếp theo xung quanh 940 điểm.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 860 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 3/9/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_MSCI frontier 100 Việt Nam_1.6%

Phân tích kỹ thuật: TNG_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+12.24** điểm, đóng cửa **903.97** điểm. HNX-Index **+0.64** điểm, đóng cửa **126.05** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB(+3.34); VIC(+1.71); BID(+0.90); VHM(+0.85); VNM(+0.74).**
- Kéo chỉ số giảm: **PLX(-0.29); CTG(-0.21); DHG(-0.09); BHN(-0.06); HVN(-0.04).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **6,122** tỷ đồng, tăng **+33.4%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 8.06 điểm, nới rộng so với phiên liền trước. Thị trường **235** mã tăng, 60 mã tham chiếu và **170** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **390.13** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (651.8 tỷ), PLX (62.5 tỷ) và VRE (26.9 tỷ).** Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-8.36** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **903.97**
Giá trị: 6122.79 tỷ **12.24 (1.37%)**
Khối ngoại (ròng): 390.13 tỷ

HNX-INDEX **126.05**
Giá trị: 467.76 tỷ **0.64 (0.51%)**
Khối ngoại (ròng): -8.36 tỷ

UPCOM-INDEX **58.96**
Giá trị: 0.39 tỷ **0.16 (0.27%)**
Khối ngoại (ròng): -4.42 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	40.7	-1.98%
Giá vàng	1,933	-0.53%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,458	-0.86%
Tỷ giá JPY/VND	21,775	-0.19%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	23.51%
LS TPCP 5 năm	1.8%	0.57%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	651.8	VHM	-142.8
PLX	62.5	VCB	-48.9
VRE	26.9	BID	-30.7
FUEVFVN	23.4	NVL	-29.8
VNM	21.7	KBC	-22.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_MSCI frontier 100 Việt Nam_1.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	6/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.6%	3.5%	2.9%	9.0%	9.0%	-5.6%	27.0%
FTSE Việt Nam	1.5%	3.6%	3.0%	8.3%	8.3%	-3.4%	27.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.5%	1.9%	2.3%	9.5%	9.5%	-2.6%	33.7%
VN FinSelect	1.5%	2.1%	2.5%	9.3%	9.3%	-2.5%	31.9%
Ngân Hàng	1.5%	1.9%	2.2%	15.9%	15.9%	5.8%	35.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.5%	1.7%	2.3%	11.5%	11.5%	4.6%	32.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.2%	1.5%	1.8%	12.2%	12.2%	-9.9%	34.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.1%	2.2%	2.0%	12.6%	12.6%	0.1%	29.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.1%	1.0%	1.6%	12.3%	12.3%	14.7%	22.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.1%	1.7%	1.6%	11.5%	11.5%	-2.2%	30.2%
Nước & Năng lượng	1.0%	1.5%	2.3%	15.1%	15.1%	3.5%	28.0%
Corona Avengers	1.0%	3.2%	2.7%	11.6%	11.6%	7.5%	38.2%
VN Diamond	0.9%	1.6%	2.0%	11.8%	11.8%	-8.0%	33.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.8%	1.4%	1.8%	13.8%	13.8%	-3.7%	32.0%
Hàng tiêu dùng	0.6%	1.2%	2.0%	13.3%	13.3%	4.0%	31.5%
Lãi suất giảm	0.6%	0.8%	2.5%	14.8%	14.8%	11.2%	34.4%
Xây dựng	0.4%	-0.4%	0.9%	15.2%	15.2%	6.5%	32.4%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.3%	-0.8%	1.9%	17.5%	17.5%	18.4%	33.1%
Vật liệu Xây dựng	0.3%	0.4%	0.8%	12.9%	12.9%	10.3%	30.4%
Đầu tư công	0.2%	2.0%	1.4%	16.8%	16.8%	10.2%	30.2%
Stay-at-home	0.1%	0.4%	2.1%	15.6%	15.6%	20.9%	36.5%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.1%	-0.2%	0.2%	14.4%	14.4%	1.2%	26.6%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.1%	-0.8%	0.1%	12.7%	12.7%	3.2%	23.2%
Dầu khí	-0.4%	1.1%	1.2%	9.4%	9.4%	-16.4%	41.9%
Chiến tranh thương mại	-0.7%	-0.7%	0.1%	14.9%	14.9%	-0.6%	32.7%

Mục tiêu	0/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	1.2%	1.6%	1.8%	12.7%	12.7%	-4.4%	30.2%
M22	1.1%	1.3%	1.9%	11.5%	11.5%	5.7%	28.0%
M12	1.1%	1.4%	2.0%	10.6%	10.6%	-1.4%	27.6%
L11	1.1%	1.6%	2.0%	12.0%	12.0%	-0.6%	26.6%
S21	1.0%	1.8%	1.9%	13.3%	13.3%	-2.1%	29.9%
S32	0.9%	1.0%	2.1%	11.4%	11.4%	-9.7%	36.2%
S11	0.8%	2.2%	2.4%	13.1%	13.1%	12.3%	28.0%
L32	0.8%	2.4%	2.4%	10.8%	10.8%	-10.6%	33.2%
M31	0.5%	2.2%	1.8%	14.4%	14.4%	-0.7%	33.0%

Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.8%	2.2%	2.4%	11.7%	11.7%	-3.1%	30.7%
LOW1	0.5%	0.7%	1.2%	7.6%	7.6%	-3.5%	27.8%
MID1	0.5%	1.5%	2.0%	15.2%	15.2%	11.2%	27.7%

INDEX							
VNINDEX	1.4%	2.8%	2.5%	9.6%	9.6%	-5.9%	26.5%
VN30INDEX	1.4%	2.6%	2.4%	9.5%	9.5%	-4.0%	27.8%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	6	19	3	22	3	22
Mục tiêu	9	0	9	0	9	0	9
Rủi ro	3	0	3	0	3	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
Vũ Quốc Khánhkhanhvuq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 26/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.57	0.14%	-3.40%	-0.80%	-21.45%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	44.43	0.00%	-2.60%	-0.90%	-22.34%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	120.18	-0.02%	-1.30%	5.00%	-19.84%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1946.31	0.17%	0.90%	-3.60%	29.63%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.54	0.34%	1.90%	5.90%	52.86%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	963.50	0.16%	2.30%	9.30%	4.30%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	557.75	-0.09%	1.30%	8.00%	11.49%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.40	2.00%	11.80%	15.40%	13.38%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	179.52	-2.81%	3.90%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.44	-1.27%	-1.10%	-2.20%	-1.50%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	131.30	-0.08%	7.50%	9.00%	20.07%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6697.00	0.14%	2.60%	4.40%	16.51%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	558.75	1.33%	3.40%	5.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1786.00	-1.68%	0.60%	4.20%	0.62%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	127.04	2.21%	6.70%	11.20%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	50.60	-1.56%	1.20%	-6.80%	-34.37%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 1/9, dầu thô Brent tăng 30 US cent lên 45.58 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 15 US cent lên 42.76 USD/thùng.
- Giá dầu tăng nhẹ sau khi Viện Dầu mỏ Mỹ (API) cho biết, tồn trữ dầu thô Mỹ trong tuần gần nhất giảm nhiều hơn so với dự kiến. Tồn trữ dầu thô của Mỹ trong tuần trước dự báo giảm gần 2 triệu thùng và tồn trữ trong tuần giảm 6.36 triệu thùng. Đồng thời, hoạt động sản xuất của Mỹ trong tháng 8/2020 tăng lên mức cao nhất hơn 1.5 năm, trong bối cảnh các đơn đặt hàng mới tăng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA duy trì vững ở mức 1,970.55 USD/ounce, sau khi đạt mức cao nhất (1,991.91 USD/ounce) kể từ ngày 19/8/2020. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York không thay đổi ở mức 1,978.9 USD/ounce.
- Giá vàng chịu áp lực giảm do thị trường chứng khoán toàn cầu tăng sau số liệu hoạt động sản xuất của Mỹ tăng lên mức cao nhất gần 2 năm trong tháng 8/2020.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 0.2% lên 846.5 CNY (124.06 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Singapore tăng 0.6% lên 119.02 USD/tấn và có phiên tăng thứ 3 liên tiếp.
- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 0.3%, giá thép cuộn cán nóng tăng 1.2%, trong khi giá thép không gỉ giảm 0.1%.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE tăng 2.35 US cent tương đương 1.8% lên 1,314 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn London tăng 34 USD tương đương 2.4% lên 1,463 USD/tấn, trong phiên có lúc đạt 1,471 USD/tấn, cao nhất kể từ tháng 12/2019.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE giảm 0.06 US cent tương đương 0.5% xuống 12.6 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 2.8 USD tương đương 0.8% lên 362.5 USD/tấn.

	3/9	% 3/9	2/9	% 2/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	903.97	1.37%	891.73	1.14%	3.49%	10.96%
S&P 500			3580.84	1.54%	2.94%	8.69%
HĐTL S&P500	3566.00	-0.37%	3579.25	1.48%	2.32%	8.06%
Shang- hai	3384.98	-0.58%	3404.80	-0.17%	1.04%	0.39%
Euro Stoxx	3378.49	1.22%	3337.77	1.84%	1.42%	3.82%

Phân tích kỹ thuật

TNG_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: TNG đã đạt thành phiên bứt phá sau khi tích lũy trung hạn tại ngưỡng giá 12.0 Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế ở vùng giá 12.5-13.0 và chốt lãi quanh ngưỡng giá 15, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 12.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

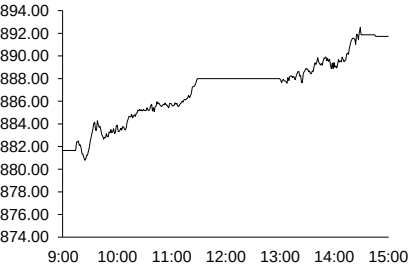
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-0.76%
Y tế	-0.67%
Viễn thông	-0.37%
Hóa chất	0.00%
Dầu khí	0.18%
Bảo hiểm	0.43%
Tài nguyên Cơ bản	0.62%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.65%
Bán lẻ	0.74%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.78%
Ô tô và phụ tùng	0.88%
Dịch vụ tài chính	0.89%
Du lịch và Giải trí	0.97%
Xây dựng và Vật liệu	1.00%
Công nghệ Thông tin	1.12%
Thực phẩm và đồ uống	1.19%
Bất động sản	1.62%
Ngân hàng	1.99%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.03%

Hình 1

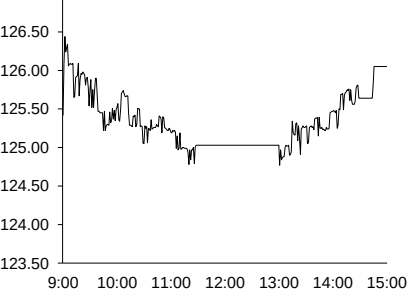
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/1/2020	VGT	8.1	9	7.5	8.3	2	2.47%	Có thể tiếp tục mua
8/31/2020	VJC	103	112	100	107.6	3	4.47%	Có thể tiếp tục mua
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23.7	6	0.42%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24.85	7	-2.17%	Có thể tiếp tục mua
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	17.6	8	2.62%	Có thể tiếp tục mua
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	94.8	9	8.22%	Có thể tiếp tục mua
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	12.15	13	2.53%	Có thể tiếp tục mua
8/20/2020	SHB	13.4	15.4	12.6	14.1	14	5.22%	Có thể tiếp tục mua
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	105.4	17	7.11%	Có thể tiếp tục mua
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	21.2	23	8.44%	Có thể tiếp tục mua
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	44.3	24	-0.23%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	9.11	28	10.02%	Có thể tiếp tục mua
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	75.2	31	11.49%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	13.1	64	2.34%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	32.6	71	6.22%	Có thể tiếp tục mua
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	25	77	14.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	79.6	79	6.28%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	39.1	90	5.11%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích:
 (*) **Trạng thái kỹ thuật không tốt**
(**) **Tiệm cận giá mục tiêu**

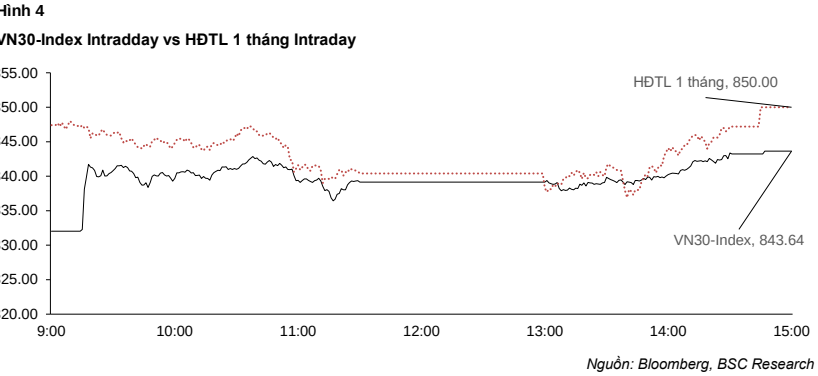
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%
8/19/2020	TCB	20.2	21.5	19.2	TP	9	6.44%
8/18/2020	MBB	17	18	16.2	TP	7	5.88%
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	TP	4	13.01%
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	TP	11	3.65%
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	TP	22	6.74%
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	TP	17	7.62%
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	TP	30	17.14%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	TP	29	13.27%
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	TP	34	30.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	16	2	6.06%	-1.20%	5.25%	31
Cổ phiếu đã chốt	23	21	10.98%	-9.52%	1.20%	20

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2009	850.00	1.50%	6.36	19.8%	172,267	9/17/2020	14
VN30F2010	844.00	1.32%	0.36	13.6%	410	10/15/2020	42
VN30F2012	842.00	1.34%	-1.64	153.7%	170	12/17/2020	105
VN30F2103	839.30	1.12%	-4.34	5.1%	104	3/18/2021	196

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh 11.61 điểm lên mức 843.64 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VCB, VIC, HDB, VNM và TCB tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. VN30 tăng mạnh đầu phiên, trước khi giằng co quanh 840 điểm trong phần lớn thời gian giao dịch. Thanh khoản tăng, VN30 có thể sẽ tiếp cận ngưỡng 860 điểm vào những phiên tới.
- Tất cả các HĐTL tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2009 và VN30F2012 tăng, trong khi VN30F2010 và VN30F2103 giảm. Chỉ có duy nhất VN30F2009 tăng về vị thế mở. Điều này báo hiệu vận động tăng ngắn hạn của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 860 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2006	10/8/2020	35	2:1	136,800	40.53%	2,180	2,730	21.88%	2,652	1.03	29,060	24,700	29,800
CVRE2006	10/29/2020	56	4:1	408,760	45.44%	1,100	1,440	14.29%	1,384	1.04	27,400	23,000	28,100
CDPM2002	12/16/2020	104	1:1	142,740	43.25%	1,700	3,990	9.02%	2,085	1.91	16,952	15,252	16,200
CPNJ2007	11/20/2020	78	5:1	575,540	39.40%	1,670	2,430	8.97%	2,008	1.21	61,350	53,000	61,400
CVNM2009	11/20/2020	78	10:1	403,510	33.48%	1,810	2,430	6.58%	2,074	1.17	125,100	107,000	124,700
CVRE2003	12/16/2020	104	2:1	929,230	45.44%	3,000	390	5.41%	225	1.73	43,999	37,999	28,100
CHPG2008	11/30/2020	88	1:1	118,040	38.41%	4,100	4,270	5.17%	919	4.65	32,100	28,000	25,000
CVNM2008	1/14/2021	133	10:1	196,300	33.48%	1,800	2,100	5.00%	1,716	1.22	132,000	114,000	124,700
CMBB2006	10/29/2020	56	2:1	360,130	36.33%	1,100	1,190	4.39%	1,074	1.11	18,700	16,500	18,200
CVHM2002	11/30/2020	88	1:1	116,280	38.74%	11,500	8,460	3.55%	7,799	1.08	88,500	77,000	79,600
CHPG2010	4/5/2021	214	4:1	423,440	38.41%	1,800	1,230	3.36%	224	5.49	40,300	33,100	25,000
CMSN2008	11/20/2020	78	5:1	198,520	33.22%	1,530	1,580	3.27%	1,073	1.47	60,650	53,000	55,400
CHPG2013	12/1/2020	89	1:1	42,630	38.41%	6,900	7,450	2.76%	2,548	2.92	30,900	24,000	25,000
CHPG2011	10/20/2020	47	2:1	105,390	38.41%	2,350	2,950	2.43%	676	4.36	29,900	25,200	25,000
CMWG2007	11/30/2020	88	1:1	28,760	41.52%	12,900	12,220	1.66%	12,552	0.97	99,900	87,000	94,800
CMWG2009	10/23/2020	50	8:1	273,810	41.52%	1,600	1,830	0.55%	1,811	1.01	94,800	82,000	94,800
CMWG2010	1/14/2021	133	10:1	186,570	41.52%	1,400	1,860	0.54%	1,761	1.06	96,000	82,000	94,800
CFPT2003	11/9/2020	67	1:1	43,780	33.04%	7,300	11,310	0.09%	3,257	3.47	57,300	50,000	50,400
CHPG2009	10/29/2020	56	2:1	144,120	38.41%	1,600	4,170	-0.24%	1,565	2.66	25,700	22,500	25,000
CFPT2007	10/23/2020	50	5:1	160,040	33.04%	1,690	1,750	-2.78%	1,493	1.17	51,950	43,500	50,400
Tổng				4,834,350	38.89%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 3/9/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.
- CVRE2005 và CHDB2006 tăng mạnh lần lượt là 22.42% và 21.88%. Giá trị giao dịch giảm -1.56%. CPNJ2007 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.90% thị trường.
- CTCB2003, CVPB2006, CSTB2003, CMWG2007, và CREE2003 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CVNM2004, và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	94.8	1.1%	1.3	1,866	4.3	8,348	11.4	3.0	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	61.4	0.7%	1.3	601	1.8	4,629	13.3	2.9	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	51.7	0.4%	1.4	1,669	2.5	1,640	31.5	1.9	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.9	1.8%	0.4	329	0.4	2,651	12.8	1.1	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	94.5	1.9%	0.8	13,897	4.3	2,255	41.9	4.0	13.8%	9.3%
VRE	Bất động sản	28.1	3.1%	1.1	2,776	6.4	1,057	26.6	2.3	30.5%	8.9%
VHM	Bất động sản	79.6	1.1%	1.3	11,385	10.1	6,784	11.7	3.8	20.6%	37.0%
DXG	Bất động sản	10.2	2.7%	1.4	229	1.9	658	15.4	0.8	35.8%	2.9%
SSI	Chứng khoán	15.3	1.0%	1.3	398	3.2	1,718	8.9	0.9	48.6%	10.7%
VCI	Chứng khoán	26.7	2.9%	1.0	191	1.2	4,110	6.5	1.2	28.7%	18.7%
HCM	Chứng khoán	19.0	1.1%	1.7	252	2.9	1,608	11.8	1.3	50.6%	11.5%
FPT	Công nghệ	50.4	1.0%	0.8	1,718	5.0	4,280	11.8	2.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	48.7	-0.8%	0.4	579	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	75.8	0.5%	1.4	6,308	1.9	5,169	14.7	2.8	3.3%	20.5%
PLX	Dầu khí	52.1	0.4%	1.5	2,731	4.7	441	118.2	3.2	15.1%	3.2%
PVS	Dầu khí	12.7	-0.8%	1.5	264	2.1	1,301	9.8	0.5	10.6%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.7	0.0%	0.8	903	0.4	898	7.5	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	102.5	-2.2%	0.6	583	0.1	5,044	20.3	4.2	54.7%	21.2%
DPM	Hóa chất	16.2	-2.1%	0.5	276	2.2	1,700	9.5	0.8	11.3%	8.9%
DCM	Hóa chất	9.3	-0.5%	0.5	213	0.7	709	13.0	0.8	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	86.2	3.9%	1.1	13,900	9.2	4,915	17.5	3.6	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	42.2	1.9%	1.3	7,380	4.8	2,132	19.8	2.2	17.7%	12.3%
CTG	Ngân hàng	26.0	-0.8%	1.2	4,201	9.5	2,995	8.7	1.2	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	23.7	1.3%	1.2	2,512	4.4	4,126	5.7	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	18.2	0.6%	1.0	1,908	3.9	3,497	5.2	1.0	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	21.2	0.5%	1.0	1,992	5.6	2,884	7.4	1.5	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	56.7	-0.4%	0.9	202	0.1	5,781	9.8	1.9	82.9%	19.5%
NTP	Nhựa	31.2	1.0%	0.4	160	0.0	3,348	9.3	1.4	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	15.7	-0.6%	0.3	675	0.0	356	44.1	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	25.0	0.8%	1.1	3,601	15.8	2,632	9.5	1.6	35.2%	18.1%
HSG	Thép	12.0	1.3%	1.5	231	7.8	1,767	6.8	0.9	9.9%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	124.7	1.2%	0.8	9,441	10.9	5,538	22.5	7.2	58.5%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	193.8	2.0%	0.8	5,403	1.3	6,328	30.6	6.7	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	55.4	1.5%	1.0	2,829	4.2	3,255	17.0	2.8	38.4%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	14.5	-0.7%	0.8	370	2.1	561	25.8	1.2	5.7%	5.1%
ACV	Vận tải	58.7	1.0%	0.8	5,556	0.3	3,450	17.0	3.5	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	107.6	2.0%	1.1	2,451	2.8	3,465	31.1	3.8	17.8%	12.4%
HVN	Vận tải	26.4	-0.4%	1.7	1,628	1.5	(3,853)	N/A	N/A	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	22.8	3.4%	0.9	294	0.9	1,377	16.5	1.1	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	11.9	-0.4%	1.2	145	1.4	2,076	5.7	0.7	21.2%	13.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	64.6	0.9%	1.0	436	0.5	8,104	8.0	3.0	3.0%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.0	6.0%	0.8	448	1.0	1,363	16.9	1.6	8.0%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.4	-1.3%	1.0	255	0.5	1,937	7.9	1.1	6.1%	13.5%
CTD	Xây dựng	75.2	0.3%	1.1	249	2.0	8,453	8.9	0.7	46.7%	7.9%
CII	Xây dựng	18.7	-0.3%	0.3	194	1.3	1,615	11.6	0.9	35.9%	8.0%
REE	Điện	37.5	1.4%	-1.4	506	0.7	4,780	7.8	1.1	49.0%	14.8%
PC1	Điện	19.8	0.3%	-0.4	137	0.2	2,178	9.1	0.8	16.3%	9.9%
POW	Điện	10.5	4.5%	0.6	1,069	4.3	925	11.3	0.9	11.2%	8.0%
NT2	Điện	23.0	0.9%	0.6	288	0.2	2,685	8.6	1.5	18.7%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.5	-1.5%	0.9	275	2.7	1,242	10.8	0.7	20.6%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	38.5	7%	0.9	1,730	0.1	#N/A	N/A	N/A	2.8	2.1% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	86.20	3.86	3.34	2.50MLN
VIC	94.50	1.94	1.71	1.04MLN
BID	42.20	1.93	0.91	2.67MLN
VHM	79.60	1.14	0.85	2.91MLN
VNM	124.70	1.22	0.73	2.02MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
PLX	0.00	-0.29	2.06MLN	1.11MLN
CTG	0.00	-0.21	8.34MLN	607060
DHG	0.00	-0.09	18830.00	373600
BHN	0.00	-0.07	6090.00	192700
HVN	0.00	-0.04	1.28MLN	611640

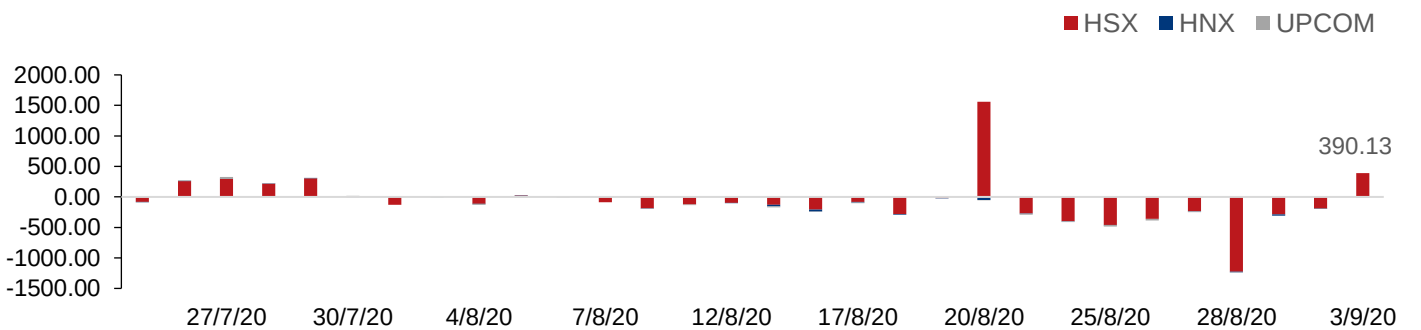
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GEX	25.25	6.99	0.23	10.49MLN
TMS	29.10	6.99	0.03	30770
DTA	4.75	6.98	0.00	47850
MCP	28.35	6.98	0.01	1610
RIC	4.91	6.97	0.00	9710

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCE	8.09	-13.20	-0.01	436090
HOT	46.50	-7.00	-0.01	10
TDW	23.25	-7.00	0.00	10.00
HAP	7.59	-6.99	-0.01	80780
PTL	6.84	-6.94	-0.01	7340

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	94.8	8,348	11.4	3.0	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.3	885	9.4	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	39.1	5,512	7.1	1.4	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	25.0	1,948	12.8	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	25.0	2,632	9.5	1.6	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.5	3,314	8.3	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.7	4,126	5.7	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	48.4	9,642	5.0	1.4	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	55.4	3,255	17.0	2.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	39.8	4,666	8.5	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	12.0	1,767	6.8	0.9	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	44.3	5,479	8.1	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.4	1,902	13.9	2.2	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	25.0	2,632	9.5	1.6	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.0	3,103	7.1	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	61.4	4,629	13.3	2.9	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	105.4	4,105	25.7	9.0	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.2	658	15.4	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	21.2	1,721	12.3	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	22.2	7,132	3.1	1.2	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	23.5	5,224	4.5	1.1	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	49.0	4,739	10.3	2.1	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	86.2	4,915	17.5	3.6	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	21.2	2,884	7.4	1.5	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	39.1	5,512	7.1	1.4	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	57.6	5,872	9.8	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	50.4	4,280	11.8	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	22.8	1,377	16.5	1.1	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.5	1,242	10.8	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	193.8	6,328	30.6	6.7	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	25.0	1,948	12.8	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	124.7	5,538	22.5	7.2	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.5	1,407	8.9	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	94.8	8,348	11.4	3.0	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	17.6	2,088	8.4	1.2	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	102.5	5,044	20.3	4.2	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	11.9	2,076	5.7	0.7	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	61.4	4,629	13.3	2.9	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	35.0	4,313	8.1	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	206.0	14,782	13.9	5.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
7	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
8	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
10	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
11	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
12	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
15	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
16	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
17	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
21	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
22	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
23	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
25	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
26	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
28	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
29	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
30	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
32	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
36	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
38	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
39	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
40	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VNM 2020Q3	7/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 125100 ; Giá tại Publish 114800 Định giá: BSC khuyến nghị Theo dõi VNM với giá mục tiêu là 125,100 đồng , upside 9% so với giá đóng cửa 06/08/2020 là 114,800 vnd/cp. Định giá dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 21x.
Express PLC 2020Q3	6/8/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 21500 ; Giá tại Publish 17200 Cập nhật KQKD: Trong Q2/2020, PLC đã ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 1,188 tỷ VND (-22% yoy) và 57 tỷ VND (+46% yoy). Về doanh thu, mảng dầu mỡ nhờn +3.8% yoy, mảng nhựa đường +15.5% yoy. Trong thời gian tới, PLC có nhiều dự án được kỳ vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nhựa đường như (1) Cam Lộ La Sơn, (2) Trung Lương Mỹ Thuận, (3) Bến Lức Long Thành và 2 dự án sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNTT đạt 260 tỷ (+28% YoY).
Express IMP 2020Q3	28/7/20	Cập nhật KQKD Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn